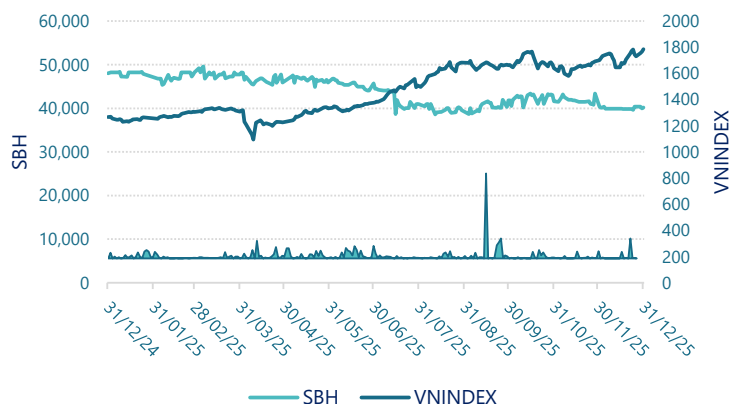


CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ (UPCOM: SBH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	40,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	49,591
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	38,592
SL cổ phiếu LH	124,225,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,045
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,994
P/E	9.1
EPS	4,426

DT thuần

Q4/25

472

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 149 | 46.3%

YoY: ▲ 225 | 91.3%

LN sau thuế

Q4/25

279

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 90.0 | 47.5%

YoY: ▲ 123 | 78.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

69.5%

+/- YoY: ▲ 20.7%

DT thuần

2025

990

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 362 | 57.7%

LN sau thuế

2025

550

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 276 | 101%

ROE

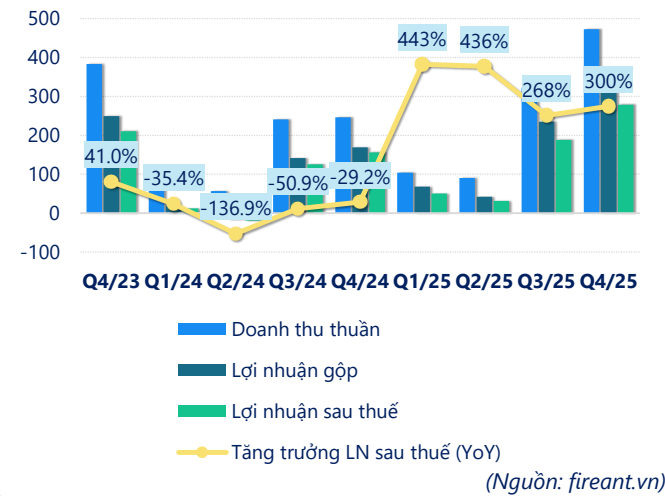
2025

30.1%

+/- YoY: ▲ 15.5%

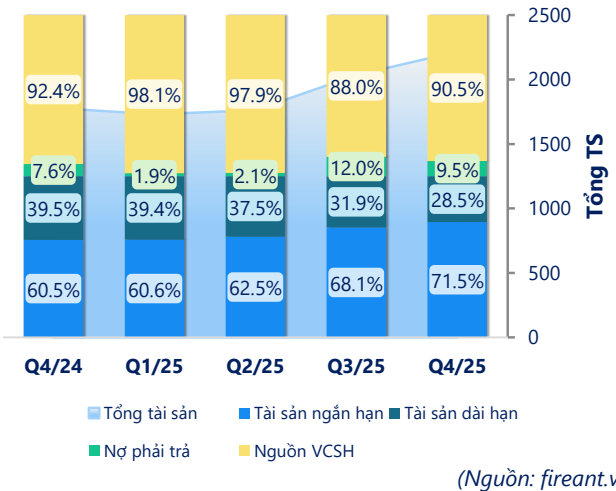
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

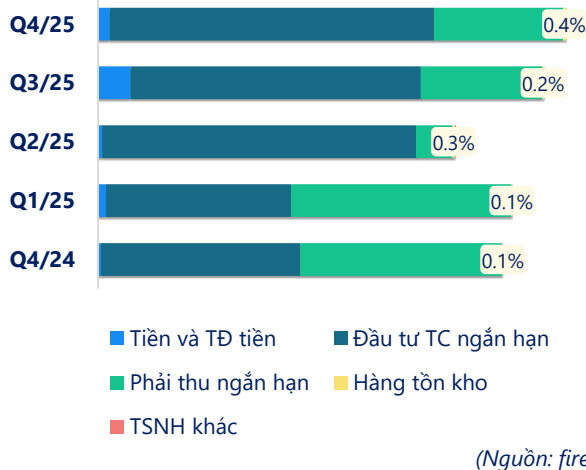


Cơ cấu Tổng tài sản

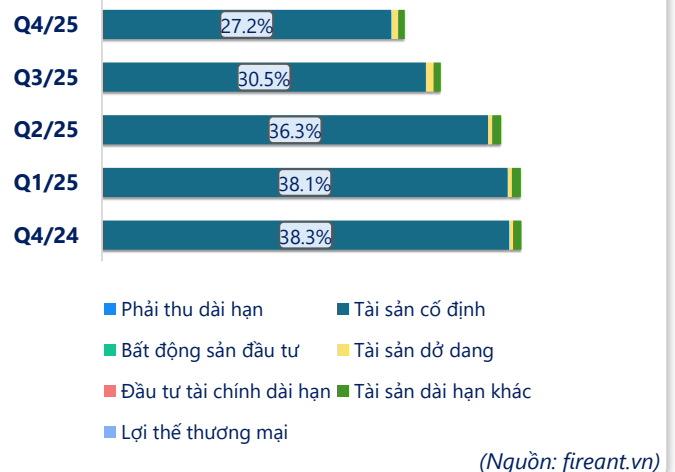
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

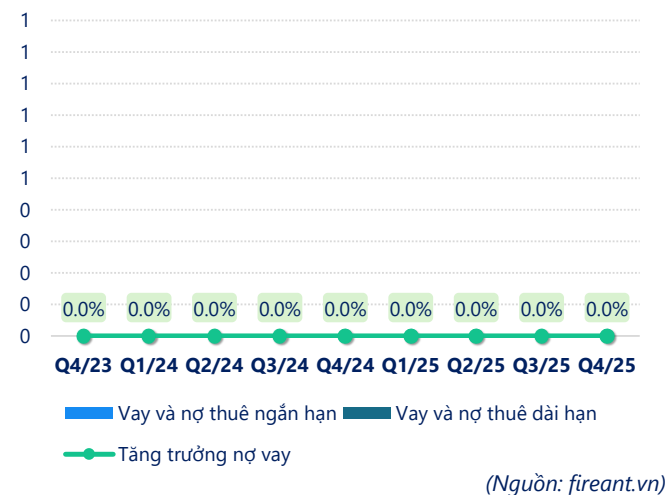


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



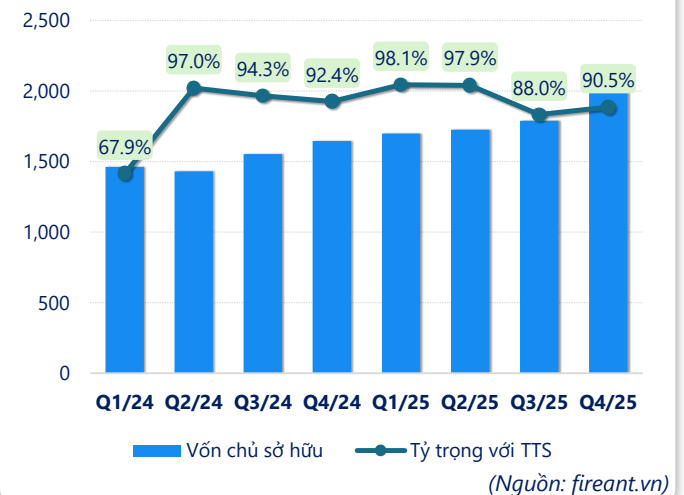
tỷ VNĐ

Nợ vay

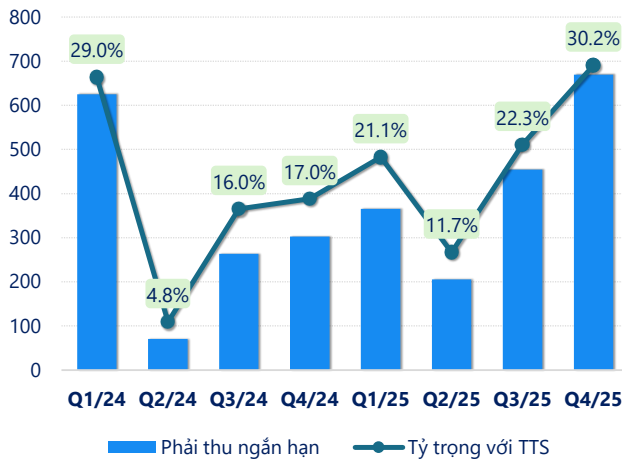


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

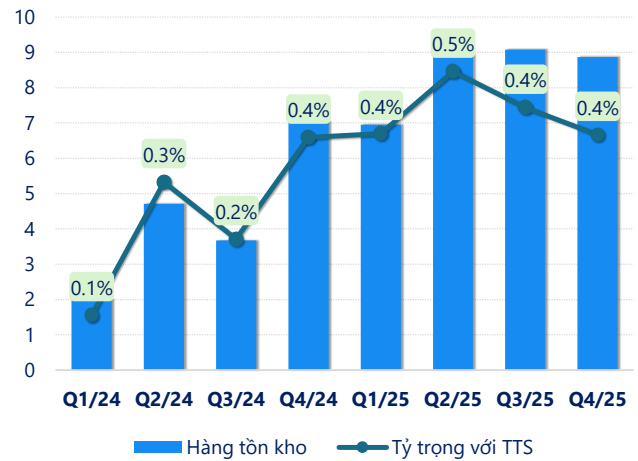


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


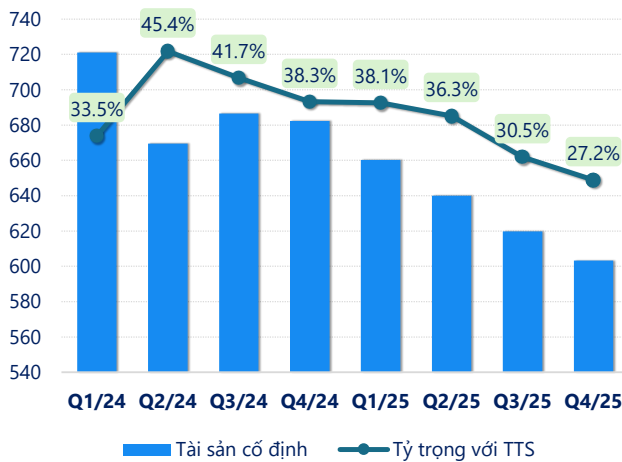
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


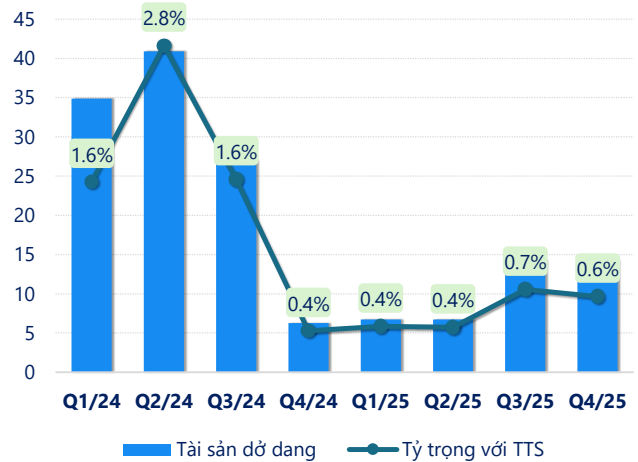
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

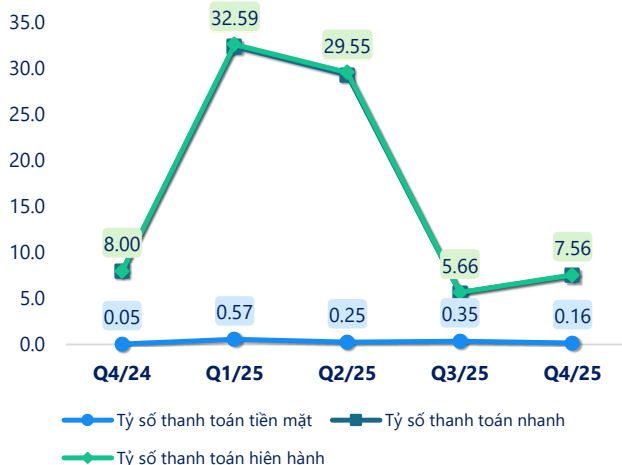
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

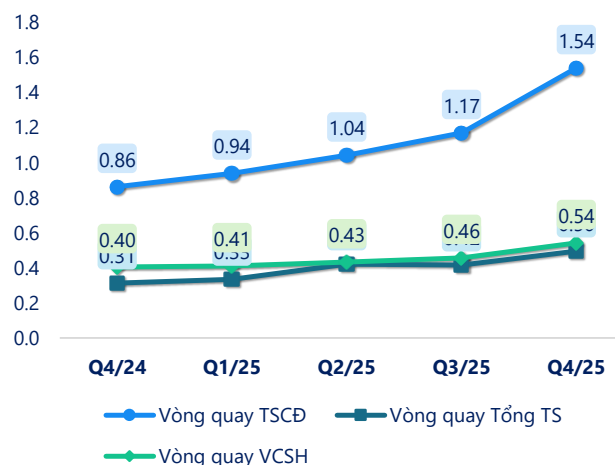
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,781	1,731	1,762	2,034	2,216
Tài sản ngắn hạn	1,078	1,049	1,101	1,386	1,585
Tiền và tương đương tiền	6.94	18.2	9.40	86.1	33.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	761	657	876	836	873
Phải thu ngắn hạn	302	366	206	455	669
Hàng tồn kho	7.04	6.95	8.94	9.07	8.86
Tài sản ngắn hạn khác	1.16	1.08	0.69	0.36	0.07
Tài sản dài hạn	703	682	662	648	631
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	682	660	640	620	603
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.27	6.74	6.74	14.3	14.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	14.1	15.0	14.8	13.8	13.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	135	32.2	37.3	245	210
Nợ ngắn hạn	135	32.2	37.3	245	210
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	28.8	6.56	8.05	19.2	9.84
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,646	1,699	1,725	1,789	2,006
Vốn chủ sở hữu	1,646	1,699	1,725	1,789	2,006
Vốn điều lệ	1,242	1,242	1,242	1,242	1,242
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)